

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 16-02-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Duy Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá T; Nơi cư trú: Thôn 9, xã HB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị H; ĐKHTT: Thôn 9, xã HB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn 3, xã VT, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo anh Nguyễn Bá T trình bày:*

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh T và chị Đỗ Thị H kết hôn với nhau tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 31 tháng 7 năm 2002. Quá trình chung sống của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng tâm sinh lý. Mâu thuẫn vợ chồng đã được địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

2. Về con chung: Anh T và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là Nguyễn Bá H1, sinh ngày 13-6-2003; Nguyễn Thu H2, sinh ngày 28-4-2008 và Nguyễn Bá T1, sinh ngày 24-9-2011. Hiện cháu H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Bá T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Thu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh xin tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của chị Đỗ Thị H thống nhất với anh Nguyễn Bá T về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân nhau. Nay anh T có đơn ly hôn với chị, chị H thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên chị H đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh T; về con chung chị H và anh T có 03 con chung về họ tên, tuổi như anh T trình bày. Cháu Nguyễn Bá H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung Nguyễn Thu H2 và Nguyễn Bá T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là anh Nguyễn Bá T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, chị Đỗ Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giải quyết anh Nguyễn Bá T, chị Đỗ Thị H được thuận tình ly hôn; về con chung: Giao cho anh Nguyễn Bá T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bá T1, chị Đỗ Thị H được nuôi dưỡng con Nguyễn Thu H2 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu, nên đề nghị không xét; về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xét; anh T, chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Bá T, bị đơn chị Đỗ Thị H: Anh T, chị H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02, anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị H.

- Về yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Bá T:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T kết hôn với chị Đỗ Thị H trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 31 tháng 7 năm 2002, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai của đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống anh T và chị H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, tin tưởng nhau vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T, chị H thuận tình ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh T, chị H.

[4] Về con chung: Anh T và chị Đỗ Thị H có 03 con chung là Nguyễn Bá H1, sinh ngày 13-6-2003; Nguyễn Thu H2, sinh ngày 28-4-2008 và Nguyễn Bá T1, sinh ngày 24-9-2011. Cháu H1 đã trưởng thành đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét. Đối với cháu H2, cháu T1 con nhỏ. Xét thấy anh T, chị H có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo được điều kiện nuôi con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh T về việc giao cháu Nguyễn Bá T1 cho anh T, cháu Nguyễn Thu H2 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Bá T, chị Đỗ Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Bá T, chị Đỗ Thị H mỗi người 25% mức án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 55, 57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Công nhận việc anh Nguyễn Bá T và chị Đỗ Thị H thuận tình ly hôn.

2- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Bá T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bá T1, sinh ngày 24-9-2011, chị Đỗ Thị H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thu H2, sinh ngày 28-4-2008 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Anh Nguyễn Bá T, chị Đỗ Thị H mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, anh T được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002118 ngày 10 tháng 11 năm 2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, anh T được trả lại số tiền 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Bá T, chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã HB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Duy Việt**